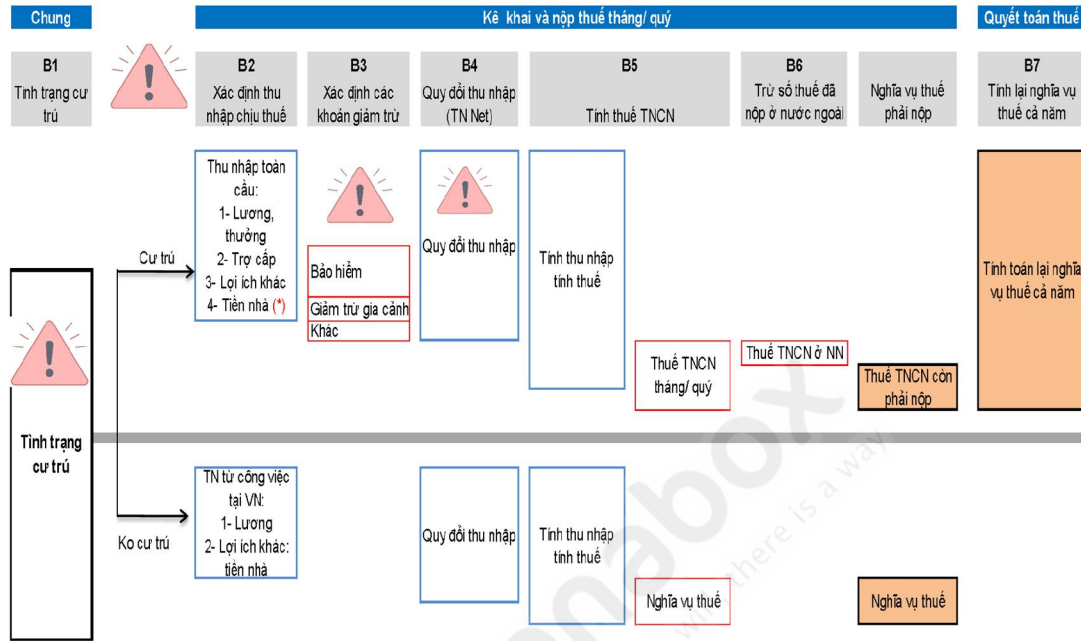


# HƯỚNG DẪN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TÍNH THUẾ TNCN 2026

(Theo Luật 109/2025/QH15, Dự thảo Nghị định)

## Quy trình chung



### Bước 1: Xác định tình trạng cư trú và kỳ tính thuế

(*Tương tự hiện tại*) Cá nhân cần xác định tình trạng cư trú trong năm tính thuế

- (1) Trường hợp 1: Cá nhân cư trú nếu
  - Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong một năm dương lịch/ 12 tháng liên tục
  - Hoặc có nơi ở thường xuyên (Đăng ký thường trú, thẻ tạm trú hoặc thuê nhà ở tại Việt Nam với tổng thời hạn từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế)
- (2) Trường hợp 2: Cá nhân không cư trú nếu không phải là cá nhân cư trú

So sánh	Cá nhân cư trú	Cá nhân không cư trú
Phạm vi thu nhập chịu thuế	Toàn cầu ( <i>Trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam</i> )	Chỉ thu nhập phát sinh tại Việt Nam
Thuế suất tiền lương, tiền công	Biểu lũy tiến 5-35%	Thuế suất cố định 20% trên toàn bộ thu nhập
<b>Giảm trừ gia cảnh</b>	<b>Được áp dụng (15,5 tr/tháng bản thân, 6,2 tr/tháng với người phụ thuộc)</b>	<b>Không được áp dụng</b>
<b>Giảm trừ y tế, giáo dục</b>	<b>Được áp dụng</b>	<b>Không được áp dụng</b>
Kỳ tính thuế	Theo năm dương lịch (Tiền lương)	Từng lần phát sinh thu nhập
Quyết toán thuế	Có nghĩa vụ quyết toán	Không quyết toán

## Bước 2: Tổng hợp thu nhập chịu thuế

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế gồm thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt địa điểm nhận, bao gồm **Tiền lương, tiền công, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản khác trả bằng tiền hoặc hiện vật**. Lưu ý với người nước ngoài có một số khoản lợi ích không bằng tiền cần đánh giá

Nhóm / Category	Nội dung chi phí / Expense Item	Thuế TNCN / PIT
<b>Thủ tục để sang Việt Nam /</b> Procedures to enter Vietnam	Chi phí làm hộ chiếu, visa, thẻ tạm trú / Passport, visa, temporary residence card fees	✗
	Chi phí làm giấy phép lao động (work permit) / Work permit related expenses	✗
	Trợ cấp chuyển vùng 1 lần cho người nước ngoài đến VN (bao gồm phí vận chuyển đồ đạc) / One-time relocation allowance for expatriates (including moving costs)	✗
<b>Tại Việt Nam (Chi phí làm việc, sinh hoạt) /</b> In Vietnam (Work & living expenses)	Tiền lương / Salary	✓
	Tiền thưởng / Bonus	✓
	Thuế TNCN trả thay – phần thu nhập tại VN / PIT paid on behalf – Vietnam income	✗
	Thuế TNCN trả thay – phần thu nhập ở nước ngoài / PIT paid on behalf – overseas income	✗
	Nhà ở trả theo hóa đơn thực tế / Housing per actual invoice ( <b>Max 15%</b> )	✓
	Trợ cấp nhà ở trả vào lương hàng tháng / Housing allowance paid in salary	✓
	<b>Bảo hiểm không có tính tích lũy / Non-accumulative insurance (Phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm khác có tích lũy phí và quỹ hưu trí tự nguyện đóng thay (phần vượt 3.000.000 đồng/tháng))</b>	✗
	Bảo hiểm có tính tích lũy / Accumulative insurance	✓
	Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe / Medical & healthcare services	✓
	Vé máy bay khứ hồi về thăm quê 1 lần/năm / Return airfare home once per year	✗
	Vé máy bay khứ hồi về thăm quê >1 lần/năm / Return airfare home more than once per year	✓
	Du lịch công ty phân bổ cho NLĐNN (≤ 1 tháng lương bình quân) / Company trip allocated to expats (≤ 1 avg. monthly salary)	✓
	Chi phí chơi golf (thẻ cá nhân) / Golf membership (personal card)	✓
	Phí đưa đón từ chỗ ở đến nơi làm việc / Commuting expenses (home ↔ office)	✗
	Tư vấn, kê khai thuế đích danh cá nhân / Tax advisory & filing for individuals	✓
	Hợp đồng tư vấn, kê khai thuế chung cho công ty / General company tax advisory	✗
	Chi đào tạo liên quan công việc / Training costs (work-related)	✗
	Học ngoại ngữ, khóa học không liên quan công việc / Language & unrelated courses	✓
	Học phí cho con (MN–THPT, học tại VN, chứng từ công ty) / Children’s tuition (Kindergarten–High school, in VN, per valid invoice)	✗
Khoản chi cho gia đình (vé máy bay cho vợ con, ...) / Family expenses (airfare for spouse & children, etc.)	✓	
<b>Thủ tục về nước /</b> <b>Repatriation procedures</b>	Trợ cấp chuyển vùng về nước (gồm phí vận chuyển đồ đạc) / Relocation allowance returning home (including moving costs)	✓
	Vé máy bay về nước / Airfare to home country	✓
	Các chi phí khác theo HĐLĐ liên quan trực tiếp NLĐ / Other contractual repatriation costs	✓

### Bước 3: Xác định các khoản giảm trừ

Lưu ý: cá nhân không cư trú không được áp dụng bất kỳ khoản giảm trừ nào.

Khoản giảm trừ	Nội dung
Giảm trừ gia cảnh	+ Giảm trừ bản thân: <b>15.500.000 đồng/tháng</b> + Giảm trừ người phụ thuộc: <b>6.200.000 đồng/người/tháng</b>
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm nghề nghiệp bắt buộc theo pháp luật Việt Nam. + Bảo hiểm bắt buộc theo pháp luật nước ngoài (bảo hiểm hưu trí, y tế, thất nghiệp) theo chứng từ chứng minh
Giảm trừ bảo hiểm hưu trí bổ sung, bảo hiểm nhân thọ	Được trừ tối đa <b>3.000.000 đồng/tháng/người</b> (bao gồm cả phần người sử dụng lao động đóng thay và phần cá nhân tự đóng)
Giảm trừ đóng góp từ thiện, nhân đạo	Đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo và các tổ chức có chức năng huy động tài trợ (Theo hồ sơ chứng minh)
<b>Giảm trừ chi phí y tế và giáo dục (Áp dụng từ 2026)</b>	+ <b>Chi khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước: mức tối đa khoảng 20.000.000 - 23.000.000 đồng/năm</b> + <b>Chi giáo dục - đào tạo tại cơ sở trong nước: Mức tối đa khoảng 21.000.000 - 24.000.000 đồng/năm</b>

### Bước 4: Tính thuế và Quy đổi thu nhập

**Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ**

**Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế x Biểu thuế lũy tiến**

Bậc	Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 10	5%	0 + 5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 10 đến 30	10%	0,5 + 10% TNTT trên 10	10% TNTT - 0,5
3	Trên 30 đến 60	20%	2,5 + 20% TNTT trên 30	20% TNTT - 3,5
4	Trên 60 đến 100	30%	8,5 + 30% TNTT trên 60	30% TNTT - 9,5
5	Trên 100	35%	20,5 + 35% TNTT trên 100	35% TNTT - 14,5

Cá nhân không cư trú: thuế suất cố định 20% trên thu nhập

Tỷ giá quy đổi thu nhập bằng ngoại tệ: Quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh thu nhập.

**Nếu lương theo thỏa thuận không gồm thuế TNCN thì phải quy đổi thu nhập như sau:**

Stt	Thu nhập làm căn cứ quy đổi/tháng (viết tắt là TNQĐ)	Thu nhập tính thuế (TNTT)
1	Đến 9,5	TNQĐ / 0,95
2	Trên 9,5 đến 27,5	(TNQĐ - 0,5) / 0,9
3	Trên 27,5 đến 51,5	(TNQĐ - 3,5) / 0,8
4	Trên 51,5 đến 79,5	(TNQĐ - 9,5) / 0,7
5	Trên 79,5	(TNQĐ - 14,5) / 0,65

### Bước 5: Trừ thuế đã nộp

+ Nếu kê khai thuế TNCN hàng tháng thông qua Công ty: cung cấp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế TNCN do Công ty cấp.

+ Nếu kê khai trực tiếp tại cơ quan thuế: cung cấp Chứng từ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước

+ Khấu trừ thuế TNCN đã nộp ở nước ngoài: Thuế TNCN đã nộp ở nước ngoài có thể được khấu trừ khi quyết toán tại Việt Nam tùy từng trường hợp. Cá nhân cần cung cấp bản chính Giấy chứng nhận số thuế TNCN đã nộp do cơ quan thuế nước ngoài cấp, kèm bản dịch tiếng Việt và hồ sơ liên quan (Tờ khai thuế TNCN hàng tháng ở nước ngoài và bản sao chứng từ nộp thuế...)